

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
HỘI ĐỒNG CHẤM THI KỲ THI CHỌN
ĐỘI TUYỂN OLYMPIC NĂM 2026

DANH SÁCH KẾT QUẢ CHẤM THI
KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN OLYMPIC NĂM 2026

MÔN: VẬT LÝ

STT	Môn	SBD	Họ và tên thí sinh		Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm N1	Điểm N2	Điểm N3	Tổng điểm	Ghi chú
1	Vật lí	0222	Nguyễn Nhật	Minh	27/12/2009	11	ĐHQG Hà Nội	15.5	16	5	36.50	Olympic Vật lí Châu Á
2	Vật lí	0226	Vũ Nguyên	Nguyên	28/08/2009	11	Thành phố Hà Nội	13.5	16.5	5	35.00	Olympic Vật lí Châu Á
3	Vật lí	0219	Lê Duy	Khánh	22/04/2009	11	Tỉnh Thanh Hoá	15.75	13.5	5.25	34.50	Olympic Vật lí Châu Á
4	Vật lí	0223	Tạ Ngọc	Minh	24/07/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	14	13.75	6	33.75	Olympic Vật lí Châu Á
5	Vật lí	0224	Nguyễn Thị Bích	Ngọc	22/09/2008	12	Tỉnh Ninh Bình	12.25	14	4.5	30.75	Olympic Vật lí Châu Á
6	Vật lí	0210	Phan Tuấn	Dũng	18/11/2008	12	Tỉnh Phú Thọ	10.75	15	4.5	30.25	Olympic Vật lí Châu Á
7	Vật lí	0220	Mai Văn	Khánh	23/07/2009	11	Tỉnh Thanh Hoá	12.75	12.5	4.75	30.00	Olympic Vật lí Châu Á
8	Vật lí	0236	Bùi Anh	Tú	08/03/2009	11	Tỉnh Ninh Bình	10.25	14.25	4.75	29.25	Olympic Vật lí Châu Á
9	Vật lí	0202	Nguyễn Nhật	Anh	20/10/2008	12	Thành phố Đà Nẵng	12.5	12	3.75	28.25	
10	Vật lí	0211	Nguyễn Thiện	Đắc	30/07/2008	12	Tỉnh Ninh Bình	12	12.25	4	28.25	
11	Vật lí	0205	Cáp Kim Hoàng	Bảo	24/08/2008	12	Thành phố Đà Nẵng	11.25	10.75	5.75	27.75	
12	Vật lí	0214	Vũ Lê Đức	Hiếu	26/02/2008	12	ĐHQG Hà Nội	10	13	4	27	
13	Vật lí	0207	Hoàng Thanh	Bình	22/08/2008	12	Tỉnh Phú Thọ	10.25	10.5	5.75	26.5	
14	Vật lí	0239	Lê Bá Tuấn	Việt	11/02/2009	11	ĐHQG Hà Nội	9	12.75	4.5	26.25	
15	Vật lí	0218	Nguyễn Vũ Mạnh	Khang	07/12/2008	12	Tỉnh Gia Lai	12.75	9	4.25	26	
16	Vật lí	0235	Nguyễn Thành	Trung	07/12/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	9.75	10.5	5.75	26	
17	Vật lí	0231	Hoàng Văn Thái	Sơn	21/07/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	9	11.75	4.25	25	
18	Vật lí	0209	Trần Thanh	Bình	05/08/2008	12	Thành phố Huế	11	10.75	3	24.75	
19	Vật lí	0232	Nguyễn Tuấn	Thành	08/07/2008	12	ĐHQG Hà Nội	10.75	10	4	24.75	
20	Vật lí	0221	Lê Gia Hồng	Minh	06/11/2009	11	Thành phố Hà Nội	9.75	11.75	3	24.5	

STT	Môn	SBD	Họ và tên thí sinh	Ngày sinh	Lớp	Đơn vị	Điểm N1	Điểm N2	Điểm N3	Tổng điểm	Ghi chú
21	Vật lí	0230	Nghiêm Đình Quang	23/07/2008	12	Thành phố Hà Nội	9.75	10.5	3.5	23.75	
22	Vật lí	0201	Phan Nguyễn Phúc An	19/04/2008	12	Thành phố Hồ Chí Minh	8.25	10.75	4.5	23.5	
23	Vật lí	0206	Lương Đức Gia Bảo	28/08/2008	12	Tỉnh Phú Thọ	10.5	9	4	23.5	
24	Vật lí	0238	Nguyễn Ngọc Tuyền	10/01/2008	12	Tỉnh Nghệ An	8	10.75	4.25	23	
25	Vật lí	0225	Nguyễn Tấn Gia Nguyên	24/11/2008	12	Thành phố Hà Nội	7.75	9.25	4.5	21.5	
26	Vật lí	0233	Trương Bá Chí Thành	19/03/2009	11	ĐHQG Hà Nội	8.75	8.5	3.75	21	
27	Vật lí	0216	Lê Hồ Gia Huy	19/12/2008	12	Thành phố Hồ Chí Minh	7	9.5	4.25	20.75	
28	Vật lí	0217	Đặng Khánh Huyền	18/06/2008	12	Tỉnh Nghệ An	8.75	7.25	4.75	20.75	
29	Vật lí	0227	Lê Hồng Nhân	16/01/2009	11	Tỉnh Thanh Hoá	7	9	4.5	20.5	
30	Vật lí	0229	Đặng Nam Phong	20/07/2008	12	Thành phố Hà Nội	8.5	6.75	4	19.25	
31	Vật lí	0203	Trần Phương Anh	21/03/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	7.5	7.75	3.5	18.75	
32	Vật lí	0237	Nguyễn Anh Tuấn	14/08/2008	12	Tỉnh Hà Tĩnh	8.5	8.25	1.5	18.25	
33	Vật lí	0213	Lê Văn Giang	23/05/2008	12	Tỉnh Thanh Hoá	6.75	7	3.25	17	
34	Vật lí	0228	Tăng Hạo Nhiên	03/01/2009	11	Thành phố Huế	6.75	6.25	3.75	16.75	
35	Vật lí	0212	Lê Đức Đạt	22/07/2009	11	Tỉnh Ninh Bình	5.5	7	3.5	16	
36	Vật lí	0208	Nguyễn Tiến Bình	28/03/2008	12	Tỉnh Bắc Ninh	8.75	3.5	2.75	15	
37	Vật lí	0234	Nguyễn Minh Thuận	15/04/2008	12	Tỉnh Vĩnh Long	7	5.5	2.5	15	
38	Vật lí	0204	Đặng Thị Ngọc Ánh	18/01/2008	12	Tỉnh Ninh Bình	5	5.75	2.75	13.5	
39	Vật lí	0240	Lê Quang Việt	09/06/2008	12	Tỉnh Thanh Hoá	3.25	7.25	2.5	13	
40	Vật lí	0215	Đặng Quang Huy	22/06/2008	12	Tỉnh Ninh Bình	2.5	1.5	2.25	6.25	